

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT HOÀNG CẦU
ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

ĐỀ KIỂM TRA KHẢO SÁT HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2022-2023

Môn: ĐỊA LÝ – KHỐI 12

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

MÃ ĐỀ 001

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:Lớp:.....Phòng thi:.....

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết vùng nông nghiệp Tây Nguyên và Đông Nam Bộ giống nhau về chuyên môn hóa sản xuất các loại vật nuôi nào sau đây?

- A. Bò, gia cầm. B. Lợn, gia cầm. C. Trâu, bò. D. Bò, lợn.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây của Đồng bằng sông Hồng có quy mô trên 15 đến 100 nghìn tỉ đồng?

- A. Thái Nguyên. B. Hải Phòng. C. Hà Nội. D. Nam Định.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết bò được nuôi ở những tỉnh nào sau đây?

- A. Đồng Nai, Tây Ninh. B. Cần Thơ, Tiền Giang.
C. Bạc Liêu, Sóc Trăng. D. An Giang, Hậu Giang.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Cả?

- A. Sông Thương. B. Sông Hiếu. C. Sông Đà. D. Sông Cầu.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Bim Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Ninh Bình. B. Thanh Hóa. C. Nghệ An. D. Nam Định.

Câu 6. Gió nào sau đây gây mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ?

- A. Gió mùa Đông Bắc. B. Tín phong bán cầu Nam.
C. Gió phơn Tây Nam. D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 7. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho thành phần kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta hiện nay?

- A. Nắm giữ các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt.
B. Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.
C. Chi phối tất cả các thành phần kinh tế khác.
D. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới nhiều nhất.

Câu 8. Địa hình của vùng núi Tây Bắc nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Chủ yếu là đồi núi thấp, hướng tây bắc - đông nam.
B. Có sự bất đối xứng rõ rệt giữa hai sườn Đông - Tây.
C. Địa hình cao nhất nước, hướng tây bắc - đông nam.
D. Thấp và hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu, thấp ở giữa.

Câu 9. Chế độ sông ngòi ở nước ta phân hóa theo mùa là do

- A. khí hậu phân hóa mùa mưa và mùa khô. C. địa hình chủ yếu là đồi núi, mưa nhiều.
B. đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. D. địa hình có độ dốc lớn, nước mưa nhiều.

Câu 10. Tác động lớn nhất của đô thị hóa với việc phát triển kinh tế là

- A. tạo thị trường rộng có sức mua lớn. C. tăng thu nhập cho người lao động.
B. thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. D. tạo thêm nhiều việc làm cho lao động.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Bình. B. Quảng Trị. C. Hà Tĩnh. D. Nghệ An.

Câu 12. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có sản lượng lương thực lớn hơn vùng Đồng bằng sông Hồng là do có

- A. năng suất lúa cao hơn.
B. truyền thống trồng cây lương thực lâu đời hơn.
C. diện tích trồng cây lương thực lớn hơn.
D. trình độ thâm canh cao hơn.

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta giáp với Campuchia cả trên đất liền và trên biển?

- A. Kiên Giang. B. Cà Mau. C. Đồng Tháp. D. An Giang.

Câu 14. Nguyên nhân chủ yếu làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm cây công nghiệp ở nước ta hiện nay là

- A. sử dụng vật tư trong sản xuất còn ít.
B. cơ sở chế biến nguyên liệu còn hạn chế.
C. phương thức sản xuất còn lạc hậu.
D. giống cây công nghiệp chất lượng thấp.

Câu 15. Vị trí nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên có

- A. tổng lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao.
B. một mùa có mưa nhiều và một mùa mưa ít.
C. hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh trong năm.
D. gió mùa Đông Bắc hoạt động ở mùa đông.

Câu 16. Vùng chịu ảnh hưởng mạnh nhất của bão là

- A. ven biển Nam Bộ. B. ven biển Trung Bộ.
C. ven biển đồng bằng sông Hồng. D. ven biển Nam Trung Bộ.

Câu 17. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13,14, cho biết cao nguyên nào sau đây **không** phải là cao nguyên badan?

- A. Mơ Nông. B. Đắk Lắk. C. Kom Tum. D. Mộc Châu.

Câu 18. Cho vào bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2000 - 2017

Năm	Than (triệu tấn)	Dầu thô (triệu tấn)	Điện (tỉ kWh)
2000	11,6	16,3	26,7
2005	34,1	18,5	52,1
2007	42,5	15,9	58,5
2017	41,5	18,7	157,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, Nhà xuất bản Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu thô, điện của nước ta giai đoạn 2000 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột. B. Miền. C. Đường. D. Kết hợp.

Câu 19. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết tỉnh nào sau đây chưa có trung tâm công nghiệp?

- A. Bình Thuận. B. Bình Định. C. Phú Yên. D. Quảng Ngãi.

Câu 20. Đặc điểm chung vùng biển nước ta là

- A. biển lớn, mở rộng ra đại dương và nóng quanh năm.
B. biển lớn, tương đối kín, mang tính nhiệt đới gió mùa.
C. biển nhỏ, mở và mang tính chất nhiệt đới gió mùa.
D. biển nhỏ, tương đối kín và nóng quanh năm.

Câu 21. Vùng phát triển sản xuất công nghiệp nhất ở nước ta là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Đông Nam Bộ. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

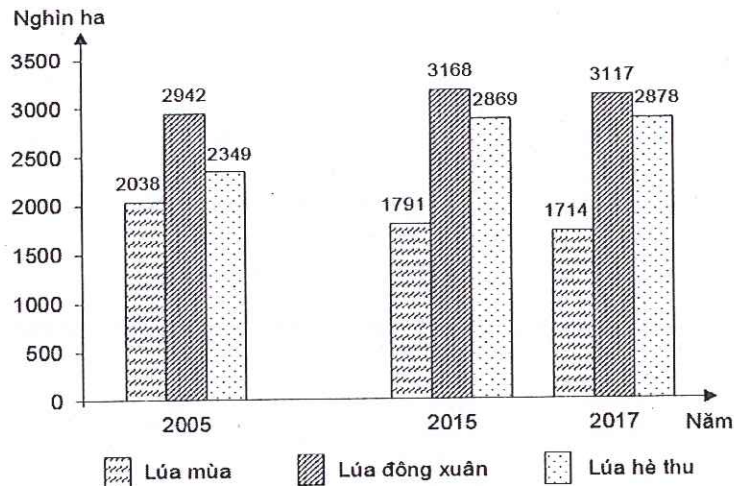
Câu 22. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Sa Pa có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng IX. B. Tháng XI. C. Tháng X. D. Tháng VIII.

Câu 23. Vùng nào có số lượng đàn trâu lớn nhất nước ta?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Tây Nguyên.
C. Bắc Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 24. Cho biểu đồ:



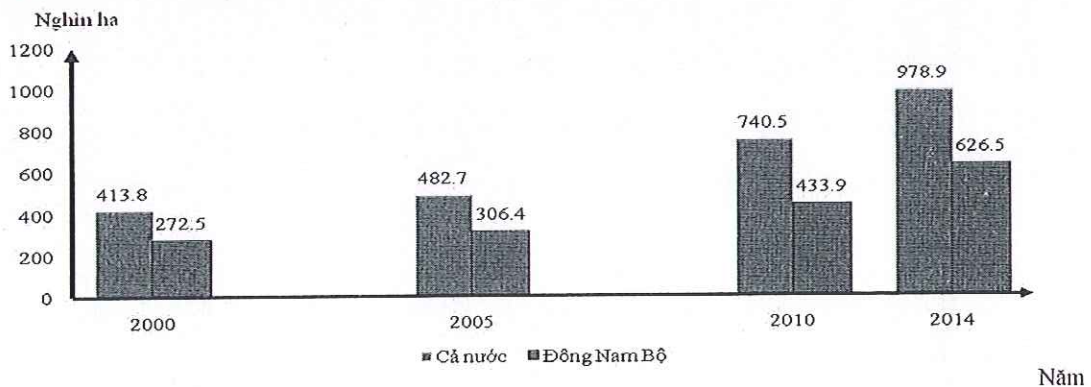
DIỆN TÍCH LÚA CÁC VỤ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2017

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **không** đúng về diện tích lúa các vụ của nước ta giai đoạn 2005 - 2017?

- A. Lúa các vụ đều có xu hướng tăng.
 - B. Lúa mùa giảm, lúa hè thu tăng.
 - C. Lúa đông xuân lớn hơn lúa hè thu.
 - D. Lúa mùa ít hơn lúa đông xuân.
- Câu 25. Cơ cấu sản lượng và cơ cấu giá trị sản xuất thủy sản trong những năm qua có xu hướng
- A. tỉ trọng thay đổi tăng giảm không đáng kể.
 - B. tỉ trọng khai thác và nuôi trồng không tăng.
 - C. giảm tỉ trọng khai thác, tăng tỉ trọng nuôi trồng.
 - D. tăng tỉ trọng khai thác, giảm tỉ trọng nuôi trồng.

Câu 26. Cho biểu đồ về diện tích cao su nước ta giai đoạn 2000 - 2014:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu diện tích gieo trồng cây cao su của Đông Nam Bộ và cả nước.
- B. Tình hình diện tích gieo trồng cây cao su của Đông Nam Bộ và cả nước.
- C. Tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng cây cao su của Đông Nam Bộ và cả nước.
- D. Quy mô, cơ cấu diện tích gieo trồng cây cao su của Đông Nam Bộ và cả nước.

Câu 27. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh nào sau đây của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có GDP bình quân đầu người từ 15 đến 18 triệu đồng?

- A. Khánh Hòa.
- B. Ninh Thuận.
- C. Phú Yên.
- D. Bình Thuận.

Câu 28. Đặc trưng khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc là

- A. Cận xích đạo gió mùa nóng quanh năm.
- B. Nhiệt đới khô gió mùa có mùa đông lạnh.
- C. Cận nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh.
- D. Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

Câu 29. Điều kiện thuận lợi nhất cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở nước ta là có

- A. nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ.
- B. diện tích mặt nước lớn ở các đồng ruộng.
- C. nhiều bãi triều, ô trũng ngập nước.
- D. nhiều đầm phá và các cửa sông rộng lớn.

Câu 30. Theo mục đích sử dụng, rừng được chia thành

- A. rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.
- B. rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng rậm.
- C. rừng sản xuất, rừng tre nứa, rừng cây gỗ.
- D. rừng phòng hộ, rừng rậm, rừng thưa.

Câu 31. Đặc điểm thiên nhiên nổi bật của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta là

- A. địa hình cao, các dãy núi xen kẽ thung lũng sông hướng tây bắc - đông nam.
- B. khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.
- C. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, tạo nên mùa đông lạnh nhất ở nước ta.
- D. địa hình có các sơn nguyên bóc mòn và các cao nguyên badan.

Câu 32. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Khánh Hòa.
- B. Bình Định.
- C. Bình Thuận.
- D. Quảng Ngãi.

Câu 33. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp Thanh Hóa **không** có ngành nào sau đây?

- A. Sản xuất giấy, xenlulô.
- B. Sản xuất ô tô.
- C. Chế biến nông sản.
- D. Cơ khí.

Câu 34. Tốc độ tăng dân số nước ta đã giảm nhưng số người tăng thêm mỗi năm vẫn nhiều chủ yếu do

- A. tác động của các quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa.
- B. có mức sinh cao và giảm chậm, mức tử thấp và ổn định.
- C. có quy mô dân số lớn.
- D. chính sách chuyển cư.

Câu 35. Cơ cấu sử dụng lao động theo ngành nước ta đang chuyển dịch theo hướng

- A. giảm tỉ trọng lao động của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng.
- B. tăng tỉ trọng lao động của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng.
- C. giảm tỉ trọng lao động của nhóm ngành dịch vụ và công nghiệp.
- D. tăng tỉ trọng lao động của nhóm ngành nông, lâm, ngư nghiệp.

Câu 36. Cho số liệu:

DIỆN TÍCH RỪNG NƯỚC TA THỜI KÌ 1983 - 2017

(Đơn vị: triệu ha)

Năm	Tổng diện tích rừng	Trong đó	
		Rừng tự nhiên	Rừng trồng
1983	7,2	6,8	0,4
2017	14,4	10,2	4,2

Nguồn: www.gso.gov.vn

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây là đúng với tình hình diện tích rừng nước ta giai đoạn 1983 - 2017?

- A. Diện tích rừng tự nhiên giảm.
- B. Độ che phủ rừng giảm.
- C. Tổng diện tích rừng giảm.
- D. Diện tích rừng trồng tăng.

Câu 37. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có giá trị sản xuất từ 9 đến 40 nghìn tỉ đồng?

- A. Hạ Long.
- B. Thái Nguyên.
- C. Việt Trì.
- D. Cẩm Phả.

Câu 38. Thành phần kinh tế nào sau đây giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta?

- A. Kinh tế tư nhân.
- B. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
- C. Kinh tế tập thể.
- D. Kinh tế Nhà nước.

Câu 39. Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt ở nước ta, loại cây trồng chiếm tỉ trọng cao nhất là

- A. cây ăn quả.
- B. cây rau đậu.
- C. cây công nghiệp.
- D. cây lương thực.

Câu 40. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quốc lộ nào sau đây **không** nối trực tiếp Quốc lộ 1 với Lào?

- A. Quốc lộ 6.
- B. Quốc lộ 8.
- C. Quốc lộ 7.
- D. Quốc lộ 9.

----- HẾT -----